



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị	02
Sơ lược về Công ty	04

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Báo cáo Hội đồng Quản trị	06
Báo cáo Tổng Giám đốc	08

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Hội đồng Quản trị	14
Ban Kiểm soát	16
Chính sách phát triển nguồn nhân lực	18

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng cân đối kế toán	23
Báo cáo kết quả kinh doanh	27
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	28
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	30



Ông Lưu Huy Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thưa Quý Cổ đông,

Trái qua năm 2010 với bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn sau cuộc khủng hoảng kinh tế đã tạo ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

Do nhận định được tình hình, Hội đồng Quản trị cùng với Ban Điều hành Công ty luôn theo dõi sát các diễn biến kinh tế - tài chính nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp, quyết sách hợp lý. Cùng với sự nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ nhân viên quyết tâm đương đầu với khó khăn thách thức, Công ty Cổ phần Hoàng Hà đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2010.

Chính vì vậy, tôi vui mừng thông báo tới Quý Cổ đông, kết thúc năm 2010 Công ty đã đạt được những bước tăng trưởng vững vàng, làm năm bản lề tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo.

Với chiến lược phát triển kinh doanh theo chiều sâu, trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như trang thiết bị, phương tiện hiện đại, hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực kinh doanh vận tải.

Đồng thời, Công ty cũng tiến hành mở rộng lĩnh vực kinh doanh, phát triển các ngành nghề kinh doanh liên quan đến hoạt động vận tải như: dịch vụ logistics, dịch vụ kho bãi... nhằm tận dụng tiềm năng sẵn có để tối đa hóa lợi nhuận.

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bước vào năm 2011, trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn do sự biến động của nền kinh tế cũng như giá nguyên liệu đầu vào, tuy nhiên với những kết quả và kinh nghiệm đã đạt được trong những năm qua, cùng với sự nỗ lực và quyết tâm cao của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, cán bộ nhân viên Công ty, tôi tin tưởng rằng Công ty sẽ tiếp tục gặt hái được thành công trong những năm tiếp theo, xứng đáng với niềm tin và sự lựa chọn của Quý Cổ đông.

Nhìn lại chặng đường đã qua, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty trân trọng cảm ơn các Quý Cổ đông, các đối tác, khách hàng; các bộ, ngành, cơ quan hữu quan và tập thể cán bộ nhân viên đã sát cánh ủng hộ, hợp tác cũng như đồng hành cùng Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn !

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Lưu Huy Hà

SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Hà được thành lập năm 2001 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000272301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thái Bình cấp ngày 25/9/2001.

Tên giao dịch quốc tế: Hoang Ha JSC

Địa chỉ: Số 368 phố Lý Bôn, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

ĐT: (036) 384 6908

Fax: (036) 384 6908

Website: www.hoanghaco.com.vn

Quy mô tài chính (31/12/2010)

Vốn điều lệ: 136.000.000.000 đồng

Vốn chủ sở hữu: 139.317.018.730 đồng

Tổng tài sản: 253.419.851.010 đồng

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Mua bán nông sản thực phẩm và hàng tiêu dùng
- Kinh doanh vận tải hành khách
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn
- Kinh doanh siêu thị
- Mua bán ô tô, xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ
- Đại lý kinh doanh xăng dầu
- Mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ
- Xây dựng các công trình dân dụng
- Kinh doanh bến, bãi đỗ xe
- Kinh doanh dịch vụ quảng cáo
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát
- Cho thuê văn phòng
- Mua bán chứng khoán và kinh doanh bất động sản



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

CÁC MỐC PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ

Trải qua gần 10 năm hoạt động, với sự phát triển của các loại hình dịch vụ, cơ sở vật chất và con người, Công ty Cổ phần Hoàng Hà đã trở thành một trong những công ty hàng đầu Việt Nam về dịch vụ vận tải.

2010

28/7/2010: Niêm yết trên HNX với mã chứng khoán HHG



Tăng vốn điều lệ từ 60,0 tỷ đồng lên 136,0 tỷ đồng

Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2010

Cúp Thánh Gióng dành cho 100 doanh nhân tiêu biểu năm 2010 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng

2009

Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu năm 2009 của Thái Bình

Giải nhất cuộc thi “Lái xe với an toàn giao thông”

2008

Giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2008

Giải thưởng chất lượng Việt Nam do Bộ Khoa học và Công nghệ trao tặng

Nhận kỷ niệm chương “Vì sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam” của Chủ tịch VCCI

2007

Tăng vốn điều lệ từ 10,0 tỷ lên 60,0 tỷ đồng

Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu tỉnh Thái Bình năm 2007

Bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

2006

Giải thưởng Sao vàng Đất Việt

2004

Tăng vốn điều lệ từ 1,5 tỷ đồng lên 10,0 tỷ đồng

2001

Công ty Hoàng Hà được thành lập với số vốn điều lệ 1,5 tỷ đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Trong bối cảnh kinh tế trong nước còn gặp nhiều khó khăn, giá nguyên liệu đầu vào biến động phức tạp, Hội đồng Quản trị Công ty đã luôn theo dõi sát tình hình biến động kinh tế - tài chính để cùng với Ban điều hành nhận định và đưa ra các giải pháp phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh giúp Công ty vượt qua khó khăn thách thức của nền kinh tế, đồng thời đạt được kết quả kinh doanh tốt đẹp.

Doanh thu đạt: 112,8 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế đạt: 5,8 tỷ đồng

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện dự án xây dựng khu văn phòng tại trụ sở Công ty. Công trình có quy mô 10 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng **10.142 m²**, với chức năng chính là Bến xe khách, siêu thị, nhà hàng và văn phòng cho thuê... Đến nay dự án đã xây dựng xong phần thô và đang trong quá trình hoàn thiện.

Ngoài ra, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động đầu tư góp vốn. Tháng 3/2010, Công ty đã góp 40,0% vốn và trở thành cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Hồng Vân, đầu tư xây dựng Bến xe khách Trung tâm Cẩm Phả tại Khu Diêm Thủy phường Cẩm Bình, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Các giải thưởng Công ty đã đạt được trong năm 2010:

- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2010 do Trung ương hội Doanh nghiệp phối hợp với UB hợp tác kinh tế Quốc tế trao tặng;
- Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh năm 2010 góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà;
- Bằng khen “Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội năm 2010” do Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam trao tặng;
- Bằng khen do Hội doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào doanh nghiệp trẻ tỉnh Thái Bình năm 2010;
- Bộ Công an tặng Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà kỷ niệm chương “**Bảo vệ an ninh tổ quốc**”; và
- Cúp Thánh Gióng dành cho 100 doanh nhân Việt Nam tiêu biểu năm 2010 đã được trao tặng cho Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Hà.

MỘT SỐ THAY ĐỔI TRONG NĂM

Hoàng Hà

Người vận chuyển đáng tin cậy



Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị đã áp dụng chiến lược kinh doanh đầu tư trang thiết bị hiện đại, nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ, đồng thời tập trung chỉ đạo công tác đầu tư theo kế hoạch của Đại hội đồng Cổ đông 2010, từ đó đưa ra các chỉ đạo sát sao, kịp thời và linh hoạt mang tính chất đột phá tạo tiền đề phát triển bền vững cho các năm tiếp theo.

- Xác định **“sự hài lòng của khách hàng là yếu tố then chốt cho thành công của Công ty”**, trong năm 2010 Công ty đã bước đầu triển khai đưa thêm tuyến mới Thái Bình – Yên Nghĩa (Hà Nội) vào hoạt động, với lượng xe bổ sung là 30 xe.
- Bên cạnh đó, nhằm đẩy mạnh hoạt động chuyển phát nhanh, trong năm 2010 Công ty đã triển khai đồng bộ phần mềm chuyển phát nhanh.
- Song song với việc mở rộng hoạt động cung cấp dịch vụ, Công ty cũng tăng cường kiểm tra, kiểm soát kỷ cương, kỷ luật trong quản lý, điều hành.
- Tăng cường quảng bá để giới thiệu tiềm năng, khả năng của Công ty trên hai lĩnh vực: vận chuyển khách và thị trường chứng khoán. Xây dựng hình ảnh đẹp của Hoàng Hà bằng chất lượng phục vụ và sự hài lòng của khách hàng.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010

Tại thời điểm 31/12/2010, tổng tài sản của Công ty Cổ phần Hoàng Hà là 253,4 tỷ đồng, tăng 12,4 % so với năm 2009. Ngoài ra, trong năm 2010, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 136 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty tương ứng tăng 116,6%, từ 64,3 tỷ đồng lên 139,3 tỷ đồng là 139,3 tỷ đồng.

Các chỉ số tài chính

Khả năng thanh toán

Chỉ số thanh toán ngắn hạn đánh giá năng lực tài chính của Công ty. Chỉ số này trong năm 2009 là 0,27 lần, đến năm 2010 đã tăng lên 1,2 lần.

Khả năng sinh lời

Nhóm chỉ số về khả năng sinh lời của năm 2010 có sự cải thiện đáng kể so với năm 2009 do Công ty đã thực hiện mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng thị phần vận chuyển.

Hiệu quả quản lý

Vòng quay tổng tài sản cho biết một đơn vị tài sản tạo ra bao nhiêu đơn vị doanh thu. Chỉ số vòng quay tài sản của Công ty trong năm 2010 thấp hơn chỉ số vòng quay tài sản của năm 2009 và được coi là chưa thực sự đạt hiệu quả.

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm	
	2010	2009
Tổng tài sản	253.420	225.302
Vốn chủ sở hữu	139.317	64.369
Vốn điều lệ	136.000	60.000
LN chưa phân phối	5.836	4.369

Chỉ số	Năm	
	2010	2009
Khả năng thanh toán		
Ngắn hạn	1,2	0,3
Khả năng sinh lời		
Tỷ suất sinh lời gộp	22,3%	23,3%
ROE	4,2%	11,9%
ROA	2,3%	3,4%
Hiệu quả quản lý		
Số vòng quay tài sản	0,44	0,38

BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm	
	2010	2009
Doanh thu	116.354	93.562
Chi phí	109.171	85.309
Lợi nhuận sau thuế	5.836	7.665
EPS (đồng)	459	1.278

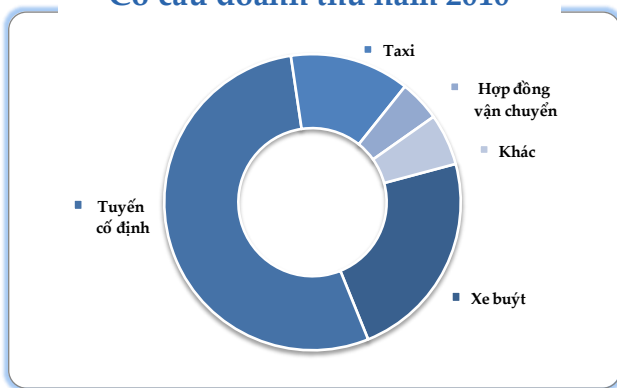
Năm 2010 là một năm khó khăn cho các doanh nghiệp vận tải trong nước. Báo cáo Tài chính hàng Quý của nhiều công ty niêm yết trong nhóm vận tải đã có con số lỗ khá lớn. Nguyên nhân của tình trạng trên một phần do nền kinh tế trong nước đang hồi phục chậm sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 – 2009, bên cạnh đó là việc giá xăng dầu trong năm 2010 biến động mạnh theo xu hướng tăng giá đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

Mặc dù có khó khăn chung của thị trường nhưng nhờ có thế mạnh về cơ cấu phương tiện vận tải cùng với công tác quản lý tốt, nâng cao năng suất lao động đã giúp Công ty vượt qua được khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh tốt trong năm 2010.

Tổng doanh thu năm 2010 của Công ty đạt 116,4 tỷ đồng, tăng 23,5% so với năm 2009 và lợi nhuận sau thuế đạt 5,8 tỷ đồng. Trong đó, hoạt động vận chuyển hành khách theo tuyến cố định và bằng xe buýt là hai hoạt động chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty, lần lượt là 53,8% và 23,0%.

Nhìn chung, năm 2010 là một năm thành công của Công ty Cổ phần Hoàng Hà trong giai đoạn vừa đẩy mạnh hoạt động kinh doanh vừa đẩy mạnh hoạt động đầu tư.

Cơ cấu doanh thu năm 2010



NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm 2010, Ban Lãnh đạo Công ty đã có những chỉ đạo thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời tăng cường hiệu quả quản lý các hoạt động của Công ty. Cụ thể được thể hiện ở các mặt sau:

▪ Về vận tải hành khách tuyến cố định

Bên cạnh việc mở rộng tuyến vận tải, Công ty còn chú trọng tăng cường cả về số chuyến, cụ thể như sau:

Thái Bình – Giáp Bát: 22 lượt/ngày

Thái Bình – Lương Yên: 96 lượt/ngày

Thái Bình – Quảng Ninh: 90 lượt/ngày

▪ Vận tải taxi

Năm 2010, Công ty đối mặt với sự cạnh tranh của nhiều hãng taxi mới gia nhập vào thị trường. Tuy nhiên, hoạt động taxi của Công ty vẫn đứng vững và phát huy hiệu quả. Số chuyến tại Hưng Yên là 3.951 chuyến, tại Thái Bình 21.399 chuyến, tăng 9.678 chuyến so với năm 2009.

▪ Vận tải khách theo hợp đồng

Năm 2010, công ty khai thác lợi thế về chủ trương đầu tư bổ sung xe mới, chất lượng cao từ năm 2009 để đáp ứng nhu cầu vận chuyển khách theo hợp đồng. Năm 2010 vận chuyển được 1.978 chuyến.

▪ Vận tải bằng xe buýt

Đến nay, hầu hết các tuyến đi huyện trong tỉnh đã được phủ kín bằng các tuyến xe buýt của công ty; từng bước nâng tần xuất chạy trong ngày, đáp ứng nhu cầu đi lại ngày càng cao của nhân dân. Kết quả, năm 2010, công ty thực hiện được 116.056 lượt vận chuyển, tăng 13.208 lượt, so với năm 2009. Tổng số khách vận chuyển 2.831.037 khách tăng 876.045 lượt khách so với năm 2009.

▪ Dịch vụ chuyển phát nhanh

Bên cạnh dịch vụ vận tải, công ty đã khai thác thêm dịch vụ chuyển phát nhanh. Đây là lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, dịch vụ chuyển phát nhanh đã không mất chi phí vận chuyển vì kết hợp được với dịch vụ vận chuyển hành khách.

▪ Xưởng bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện

Để đáp ứng yêu cầu sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, Công ty đã mạnh dạn đầu tư, đổi mới các trang thiết bị phục vụ cho bảo dưỡng, sửa chữa.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN



Căn cứ vào tình hình thị trường, xu thế phát triển của ngành và Công ty, cùng với sự cạnh tranh quyết liệt của các doanh nghiệp mới thành lập buộc Công ty phải biết phát huy tối đa những lợi thế sẵn có của mình, vận dụng sáng tạo trong kinh doanh để duy trì và mở rộng mạng lưới khách hàng. Trước những khó khăn, thách thức đó, Công ty đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2011 với các mục tiêu: Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ để giữ ổn định nguồn khách hàng, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị tìm thêm những khách hàng mới, mở rộng loại hình kinh doanh mới phù hợp với sự phát triển của Công ty.

Trong năm 2011, Công ty đặt kế hoạch doanh thu là 130,0 tỷ đồng, tăng 15,2% so với năm 2010. Lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch là 8,1 tỷ đồng, tăng 37,9% so với năm 2010. Để đạt được mục tiêu này, Công ty sẽ thực hiện một số giải pháp sau:

- Khai thác triệt để khả năng của 2 đầu bến xe khách tại Thái Bình và Cẩm Phả - Quảng Ninh;
- Ứng dụng mạnh mẽ phương thức quản lý hiện đại gắn với đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành, đáp ứng yêu cầu phát triển chung của Công ty;
- Tận dụng lợi thế của Công ty để mở rộng mạng lưới khách hàng.

THÔNG TIN CỔ PHẦN

Vốn điều lệ của Công ty	:	136.000.000.000	đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết	:	13.600.000	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu lưu hành	:	13.337.000	cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu quỹ	:	263.000	cổ phiếu
Mệnh giá 1 cổ phiếu	:	10.000	đồng

Tỉnh Thái Bình

TOP 10

Doanh nghiệp tiêu biểu

“Công ty luôn phấn đấu đạt đến sự hài lòng của khách hàng, trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải”

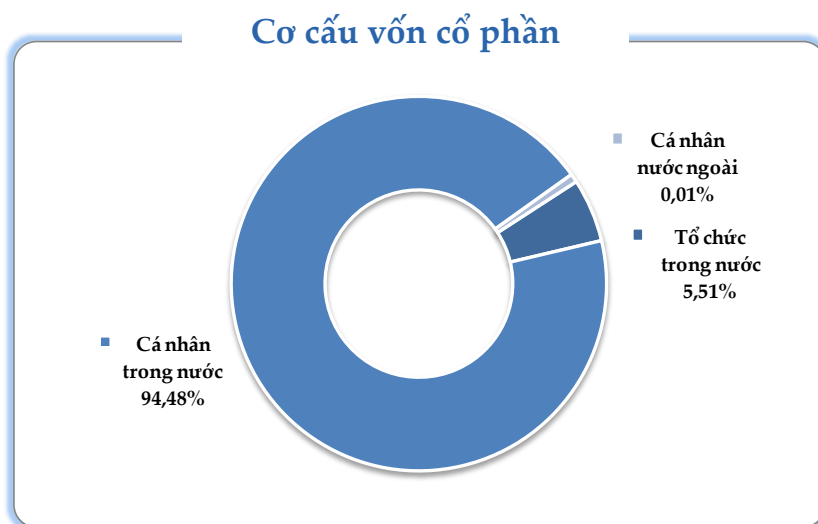
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5,0% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Tên cổ đông	Số ĐKSH	Số CP sở hữu	Tỷ lệ
1. Lưu Huy Hà	150464549	734.900	5,4%
2. Phạm Xuân Nhượng	150152090	1.013.700	7,5%

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Hoàng Hà

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty tính đến thời điểm chốt danh sách tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 vào ngày 23 tháng 3 năm 2011 như sau:



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành Công ty.

Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là 7 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 5 năm và thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Hội đồng quản trị



ÔNG LƯU HUY HÀ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1963

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh



ÔNG NGUYỄN HỮU HOAN
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh



ÔNG PHAN VĂN THUẬN
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh



ÔNG LƯU MINH SƠN
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1954

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kỹ thuật



ÔNG LƯU TUẤN ANH
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán



ÔNG PHẠM THANH TÙNG
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh



ÔNG ĐINH VĂN THỌ
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1959

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vận tải, Cử nhân kinh tế

BAN KIỂM SOÁT



Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 5 năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban Kiểm soát chịu sự quản lý trực tiếp của Đại hội đồng Cổ đông. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc tuân thủ chấp hành chế độ hạch toán, kế toán, quy trình, quy chế quản trị nội bộ Công ty, thẩm định Báo cáo Tài chính hàng năm, báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của Báo cáo Tài chính Công ty.

Ban Kiểm soát có 3 thành viên. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính, kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty.

Thành viên Ban Kiểm soát



ÔNG NGUYỄN HỮU TÁM
Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1957

Trình độ chuyên môn: Trung cấp nghiệp vụ công an



ÔNG DƯƠNG ĐỨC CƯỜNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1954

Trình độ chuyên môn: Cao cấp chính trị, Học viện Đà Lạt



BÀ NGUYỄN THU HƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



Công ty luôn ý thức được nhân lực là yếu tố quyết định cho sự thành công của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, đào tạo để mỗi người có thể làm việc chuyên nghiệp, phát huy được năng lực cá nhân và biết hợp tác cùng đồng nghiệp. Năm 2010, Công ty đã nhận được Bằng khen của Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam vì đã thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội. Công ty tiếp nhận lao động mới theo một quy trình chặt chẽ và có chính sách thu hút lao động có trình độ cao, có nhiều kinh nghiệm và uy tín, đồng thời Công ty cũng có chính sách trả lương đảm bảo đời sống cho cán bộ, nhân viên. Ngoài ra, Công ty đã sử dụng một cách hiệu quả Quỹ Phúc lợi phục vụ cho các hoạt động nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi và tăng cường văn hóa doanh nghiệp.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty Cổ phần Hoàng Hà là 717 người.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày và 6 ngày/tuần. Căn cứ trên nhu cầu công việc thực tế, nhân viên có thể làm 2 ca (sáng, chiều) hoặc 3 ca (sáng, chiều, tối), ngoài ra Công ty và nhân viên cũng có thể thỏa thuận làm thêm giờ. Nhân viên làm thêm giờ (từ 17h – 21h) được trả lương từ 150% đến 300% mức lương làm việc thông thường (được sắp xếp nghỉ bù và được nhận phần chênh lệch bằng tiền mặt). Đối với việc nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ Tết, nghỉ thai sản, Công ty luôn thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến việc tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ, nhân viên. Công ty đã xây dựng được hệ thống văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát, đầy đủ tiện nghi và các trang thiết bị cần thiết để cán bộ, nhân viên đạt được hiệu quả làm việc cao nhất. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động.

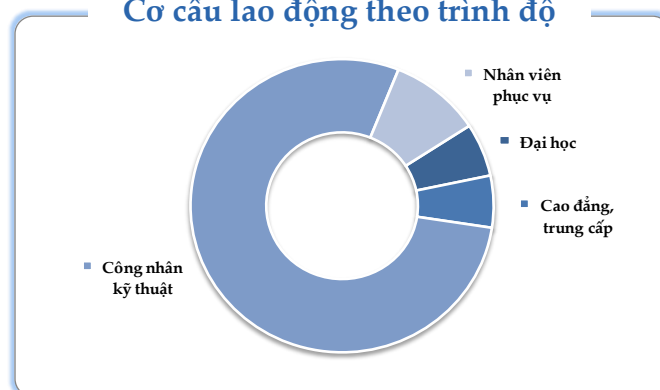
Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách tiền lương riêng thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ, nhân viên trong Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật.

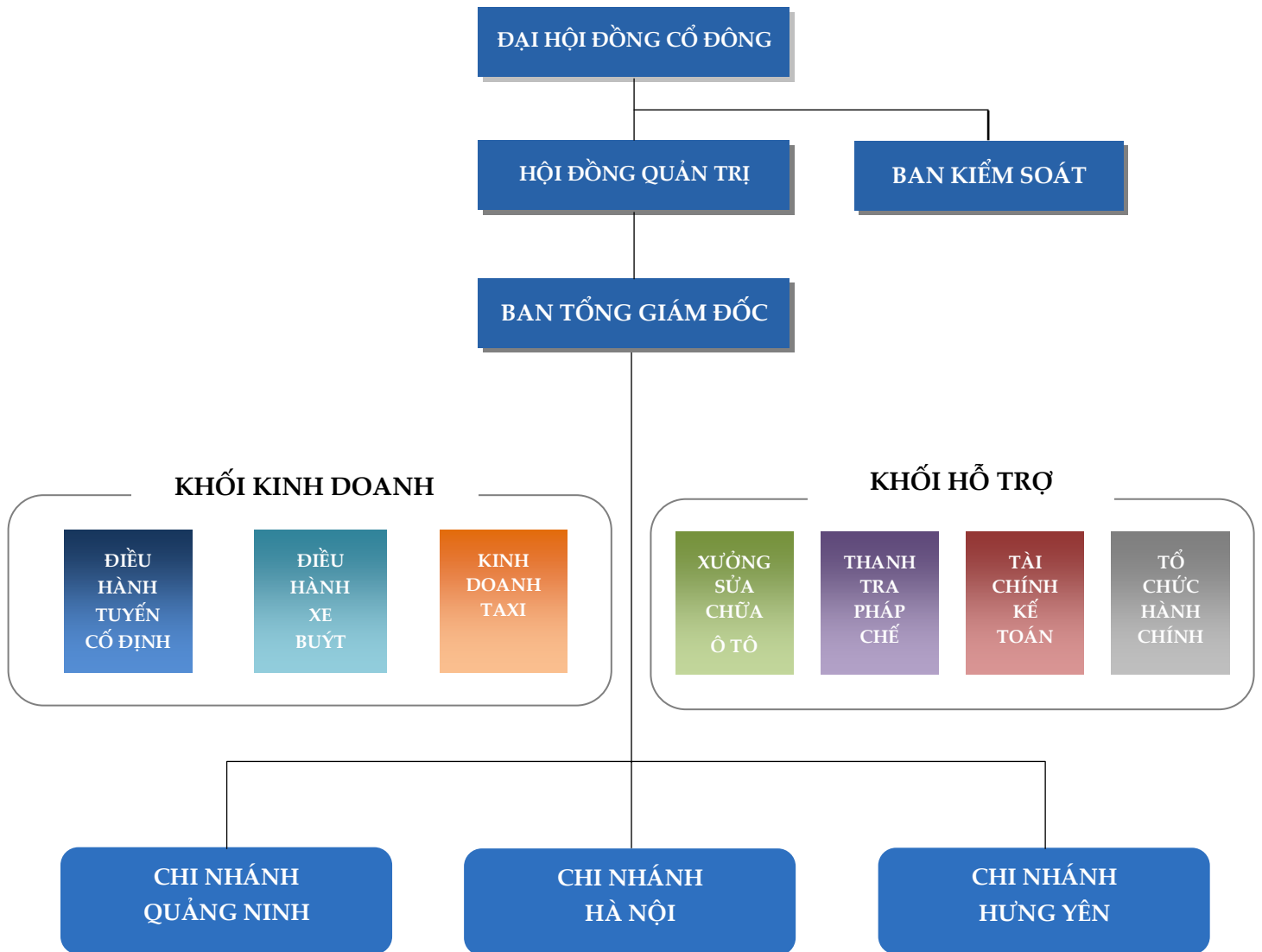
Công đoàn Công ty được giao nhiệm vụ chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, nhân viên như: khám sức khỏe định kỳ, tổ chức du lịch, phát động phong trào thể thao, văn nghệ nhằm tạo sự đoàn kết trong toàn thể cán bộ, nhân viên.

Cơ cấu lao động theo trình độ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG HÀ

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà được lập ngày 10 tháng 02 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo Tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo Tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo Tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hoàng Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2011

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		103.057	76.742
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.140	11.184
1. Tiền	111	V.1	5.140	11.184
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.742	50
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	12.742	50
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		78.883	58.651
1. Phải thu của khách hàng	131		717	1.779
2. Trả trước cho người bán	132		77.193	55.554
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	973	1.318
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.795	4.670
1. Hàng tồn kho	141	V.4	4.795	4.670
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.496	2.188
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.496	1.538
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	650
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
B. Tài sản dài hạn	200		150.363	148.560
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		138.370	139.425
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	101.255	109.327
- Nguyên giá	222		137.605	129.904
- giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.350)	(20.577)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.6	16.699	21.701
- Nguyên giá	225		22.792	27.236
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.093)	(5.536)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	50	6
- Nguyên giá	228		69	13
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18)	(7)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	20.366	8.391
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000	7.560
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	10.000	7.560
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.993	1.575
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.993	1.575
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản	270		253.420	225.302

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng Cân đối kế toán

(tại ngày 31 tháng 12 năm 2010) (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			31/12/2010	31/12/2009
A. Nợ phải trả	300		114.103	160.933
I. Nợ ngắn hạn	310		16.964	41.501
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	7.669	15.671
2. Phải trả người bán	312		3.283	3.938
3. Người mua trả tiền trước	313		17	53
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	634	587
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316	V.13	2.760	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	2.587	21.252
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		13	-
II. Nợ dài hạn	330		97.139	119.432
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	97.139	119.432
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		139.317	64.369
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	139.317	64.369
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		136.000	60.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.819)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		300	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.836	4.369
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
Tổng cộng nguồn vốn	440		253.420	225.302

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối kế toán

Chi tiêu	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
		31/12/2010	31/12/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Báo cáo Kết quả kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	112.845	85.766
2. Các khoản giảm trừ	3		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	112.846	85.765
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	87.660	65.757
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.185	20.008
6. Doanh thu tài chính	21	VI.4	2.039	73
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.635	5.772
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.460	6.757
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.129	7.552
11. Thu nhập khác	31		1.471	7.723
12. Chi phí khác	32		1.417	7.023
13. Lợi nhuận khác	40		54	700
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.183	8.253
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	1.347	587
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.836	7.665

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		111.764	69.175
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(110.009)	(93.547)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(15.468)	(9.779)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(10.891)	(5.772)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	5		(1.772)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.592	4.859
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(1.354)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.139)	(35.063)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.288)	(61.958)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		352	7.071
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		107.887	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(95.195)	-
5. Tiền chi vốn góp đầu tư vào các đơn vị khác	25		(2.440)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.893	73
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.209	(54.814)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

(tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: triệu đồng	
			2010	2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		52.000	20.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(2.819)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17.906	109.306
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(44.110)	(24.096)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(4.090)	(5.819)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		18.887	99.390
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(6.043)	9.514
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.184	1.670
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		5.140	11.184

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

- Mua bán hàng nông sản thực phẩm và hàng tiêu dùng (dụng cụ gia đình);
- Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe tải liên tỉnh và nội tỉnh;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn và dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Kinh doanh siêu thị;
- Mua bán ô tô, xe máy (cũ, mới);
- Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ, đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Mua bán các chất bôi trơn và làm sạch động cơ;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Kinh doanh bến, bãi đỗ xe, kinh doanh dịch vụ quảng cáo;
- Cho thuê văn phòng và cho thuê nhà;
- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát.
- Mua bán chứng khoán và kinh doanh bất động sản

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo Tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà xưởng:	10 – 25 năm
- Thiết bị sản xuất:	6 – 10 năm
- Phương tiện vận tải:	6 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng:	3 – 5 năm
- TSCĐ hữu hình khác:	5 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó, bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 37,0%

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Các khoản chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 26/GCNUĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2005 và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 48/GCNUĐ-UB ngày 07 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình, Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế đối với dự án đầu tư vận tải hành khách bằng ô tô trên 17 chỗ ngồi (sau đây gọi tắt là “dự án số 01”) và dự án đầu tư xây dựng xưởng sửa chữa bảo dưỡng ô tô, nhà rửa xe liên hoàn, nhà để xe và bãi đỗ xe nội bộ, trạm cấp phát xăng dầu nội bộ, kho chứa hàng và phụ tùng (sau đây gọi tắt là “dự án số 02”) như sau:

- Được miễn 01 năm và giảm 50,0% thuế thu nhập doanh nghiệp của 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với từng dự án.

Năm 2007 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	2.156	1.882
Tiền gửi ngân hàng	2.984	9.302
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	5.140	11.184

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác (*)	12.742	50
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-
Cộng	12.742	50

(*) Là cho các cá nhân vay với thời hạn 04 tháng và lãi suất cho vay tương đương với lãi suất của ngân hàng thương mại.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cổ phần hoá	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu của người lao động	-	-
Phải thu khác	973	1.318
Cộng	973	1.318

4. Hàng tồn kho

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.204	4.178
Công cụ, dụng cụ	-	-
Thành phẩm	102	105
Hàng hoá	488	386
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	4.795	4.670

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định hữu hình				
	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, DC QL</u>	<u>Cộng</u>
1. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	9.923	1.189	118.574	218	129.904
Mua trong năm	-	255	3.593	481	4.329
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính sang	-	-	5.152	-	5.152
Thanh lý, nhượng bán	-	(6)	(677)	(23)	(705)
Giảm do chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	-	-	(1.074)	-	(1.074)
Số dư cuối năm	9.923	1.438	125.568	676	137.605
2. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.040	259	19.182	95	20.577
Số khấu hao trong năm	411	214	13.206	4	13.835
Tăng do chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính sang.	-	-	2.575	-	2.575
Thanh lý, nhượng bán	-	(6)	(337)	(23)	(365)
Giảm do chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	-	-	(271)	-	(271)
Số dư cuối năm	1.451	468	34.354	77	36.350
3. Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	8.883	930	99.392	123	109.327
Tại ngày cuối năm	8.472	970	91.213	600	101.255

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định thuê tài chính		
	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
1. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	27.236	-	27.236
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	-
- Tăng do chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang	1.074	-	1.074
- Giảm do chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.152)	-	(5.152)
- Giảm khác	(366)	-	(366)
Số dư cuối năm	22.792	-	22.792
2. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.536	-	5.536
- Số khấu hao trong năm	2.861	-	2.861
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	-
- Tăng do chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang	271	-	271
- Giảm do chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.575)	-	(2.575)
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	6.093	-	6.093
3. Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	21.701	-	21.701
Tại ngày cuối năm	16.699	-	16.699

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tài sản cố định vô hình		
	Phần mềm kế toán	Tài sản khác	Cộng
1. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	13	-	13
- Mua trong năm	-	56	56
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	13	56	69
2. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7	-	7
- Số khấu hao trong năm	2	10	12
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	8	10	18
3. Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	6	-	6
Tại ngày cuối năm	5	45	50

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: triệu đồng

Công trình	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà văn phòng – bến xe khách	20.366	8.391
Công trình khác	-	-
Cộng	20.366	8.391

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9. Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị: triệu đồng

Đầu tư dài hạn khác	Năm 2010			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Hồng Vân (*)	1.000.000	10.000	756.000	7.560
Cộng		10.000		7.560

(*) Là khoản góp vốn đầu tư xây dựng bến xe Cẩm Phả với vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Hoàng Hà góp 10.000.000.000 đồng (chiếm 33,33% vốn điều lệ).

10. Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.993	1.575
Khác	-	-
Cộng	1.993	1.575

11. Vay và nợ ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	4.538	11.646
- Vay ngân hàng	4.538	11.646
- Vay đối tượng khác	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.131	4.025
- Nợ thuê tài chính	3.131	4.025
Cộng	7.669	15.671

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	477	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	157	587
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	-	-
Cộng	634	587

13. Chi phí phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay trong kỳ	2.760	-
Chi phí khác	-	-
Cộng	2.760	-

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Đơn vị: triệu đồng

Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	-	1
Bảo hiểm y tế	-	-
Phải trả về cổ phần hóa	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.587	21.250
Cộng	2.587	21.251

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

15. Vay và nợ dài hạn

Đơn vị: triệu đồng

Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn	92.169	111.265
Vay ngân hàng	92.169	111.265
Trái phiếu phát hành	-	-
Nợ dài hạn	4.970	8.167
Nợ thuê tài chính	4.970	8.167
Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	97.139	119.432

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị: triệu đồng

Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ DP tài chính	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	60.000	-	-	(3.296)	56.704
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.665	7.665
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	60.000	-	-	4.369	64.369
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong năm	72.000	-	-	-	72.000
Lãi trong năm	-	-	-	5.836	5.836
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	(2.819)	-	-	(2.819)
Phân phối lợi nhuận	4.000	-	300	(4.369)	(69)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	136.000	(2.819)	300	5.836	139.317

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đơn vị: triệu đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	136.000	60.000
Cộng	136.000	60.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 263.000 cổ phiếu

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp đầu kỳ	60.000	60.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	76.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	136.000	60.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.000	-

d. Cổ phiếu

Cổ phiếu	Đơn vị: triệu cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13,6	6
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13,6	6
- Cổ phiếu phổ thông	13,6	6
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0,2	-
- Cổ phiếu phổ thông	0,2	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,3	6
- Cổ phiếu phổ thông	13,3	6
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng/CP	10.000 đồng/CP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm nay	Năm trước
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	300	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	300	-

g. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.836	7.665
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	5.836	7.665
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	13	6
Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*) (mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND)	459	1.278

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị: triệu đồng	
Doanh thu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	3.852	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	108.993	85.765
Cộng	112.845	85.765

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	3.852	-
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	108.993	85.765
Cộng	112.845	85.765

3. Giá vốn hàng bán

Đơn vị: triệu đồng

Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.739	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	83.921	65.757
Cộng	87.660	65.757

4. Doanh thu tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.039	73
Doanh thu tài chính khác	-	-
Cộng	2.039	73

5. Chi phí tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.635	5.772
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	8.635	5.772

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Đơn vị: triệu đồng	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.264	587
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	83	-
Tổng	1.347	587

7. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Đơn vị: triệu đồng	
Chi phí sản xuất	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.021	33.252
Chi phí nhân công	15.468	10.164
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.708	12.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.195	816
Chi phí khác bằng tiền	6.985	6.082
Cộng	95.377	62.489

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Năm nay	Năm trước
Chuyển nợ thành vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.000.000.000	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo Tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Thái Bình, ngày 10 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu



Nguyễn Thu Hương

Kế toán trưởng



Phạm Ngọc Thắng

Tổng Giám đốc



Lưu Huy Hà

